| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **24**/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03 - 4 - 2026
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5- ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Tạ Thị Ngọc Điệp

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Trang và ông Nguyễn Hồng Khanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Duy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 264/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Nguyễn Thị Bích K, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ở hiện nay: 4 đường số B, phường H, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích K trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Bích K (nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn Q (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 29/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, bị đơn không quan tâm, không có trách nhiệm với gia đình. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu

Toà án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Kiều Hà M, sinh ngày 27/9/2015 và cháu Nguyễn Kiều Thiên D, sinh ngày 28/4/2018. Hiện nay các cháu đang ở với nguyên đơn, khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

*Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Kiều Hà M, sinh ngày 27/9/2015 và cháu Nguyễn Kiều Thiên D, sinh ngày 28/4/2018 cho nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Nguyễn Văn Q có địa chỉ nơi cư trú tại thôn K, xã D, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk. Nguyên đơn có đơn giải quyết xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã D, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 29/8/2014 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn, tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp

nhau, không tìm được tiếng nói chung. Sau khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho bị đơn để tham gia tố tụng, hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ nhưng bị đơn đều vắng mặt không tham gia tố tụng và hòa giải tại Tòa án để gặp gỡ, trao đổi, tháo gỡ mâu thuẫn về sống chung với nhau, việc bị đơn vắng mặt là không thể hiện được thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Kiều Hà M, sinh ngày 27/9/2015 và cháu Nguyễn Kiều Thiên D, sinh ngày 28/4/2018. Hiện nay các cháu đang ở cùng nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án, cháu M và D đều có mong muốn được ở với mẹ. Để không làm thay đổi cuộc sống và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao các cháu Nguyễn Kiều Hà M và Nguyễn Kiều Thiên D cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

***Vì các lẽ trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích K được ly hôn với ông Nguyễn

Văn Q.

2. Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Kiều Hà M, sinh ngày 27/9/2015 và cháu Nguyễn Kiều Thiên D, sinh ngày 28/4/2018 cho bà Nguyễn Thị Bích K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

*Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích K phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0006156 ngày 25/12/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Dray Bhăng;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Tạ Thị Ngọc Điệp**